

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG MẦM NON HOẠ MI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KH-MNHM

Gò Vấp, ngày 26 tháng 9 năm 2023

DỰ THẢO

KẾ HOẠCH

Thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác của trường Mầm non Hoà Mi Năm học 2023 - 2024

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022 – 2023 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023 – 2024;

Căn cứ Quyết định số 3260/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành kế hoạch thời gian năm học 2023 - 2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 4687/SGDĐT-KHTC ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 4827/UBND-TCKH-GDĐT ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc quận năm học 2023-2024;

Trường Mầm non Hoà Mi xây dựng kế hoạch về việc thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác trong năm học 2023 - 2024 như sau:

I. Mục đích xây dựng các khoản thu thỏa thuận - thu hộ chi hộ:

Thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong việc tổ chức công việc, sắp xếp bộ máy, sử dụng lao động và nguồn lực tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao; tăng nguồn thu nhằm từng bước cải thiện thu nhập cho

đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; tạo quyền chủ động trong quản lý và chi tiêu tài chính của hiệu trưởng, nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Là căn cứ để quản lý, thanh toán các khoản chi tiêu trong đơn vị; thực hiện kiểm soát chi của cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính và cơ quan thanh tra, kiểm toán theo quy định; sử dụng tài sản, tài chính của trường đúng mục đích, có hiệu quả; tạo công bằng, khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, thu hút và giữ được những người có năng lực trong đơn vị.

II. Nguyên tắc, nội dung xây dựng kế hoạch:

Kế hoạch đảm bảo trong hành lang pháp lý được cha mẹ trẻ các lớp tổ chức thảo luận rộng rãi dân chủ, công khai trong từng cá nhân và có ý kiến thống nhất của từng lớp.

Hiệu trưởng căn cứ tính chất công việc, khối lượng sử dụng, tình hình thực hiện năm trước, quyết định mức chi quản lý, chi nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu thực tế và khả năng tài chính của đơn vị trong năm.

Tuyệt đối không được sử dụng nguồn kinh phí vào các mục đích cá nhân dưới mọi hình thức.

Trong trường hợp có sự thay đổi kế hoạch, Hiệu trưởng có thể triệu tập cuộc họp Ban đại diện Cha mẹ trẻ để bàn bạc giải quyết cho phù hợp với tình hình thực tế.

III. Kế hoạch thực hiện các khoản thu - chi:

Số trẻ dự kiến: 371 trẻ (Nhà trẻ 44 trẻ, Mẫu giáo 327 trẻ)

Các khoản thu được áp dụng khi trẻ đi học trực tiếp theo số tháng thực học. Cụ thể như sau:

1. Thu học phí:

*** THU:**

Tạm thời chưa tổ chức thực hiện chờ hướng dẫn của các cấp cho năm học mới.

- Nhà trẻ: Học phí chưa tổ chức thực hiện thu chờ hướng dẫn

- Mẫu giáo: Học phí chưa tổ chức thực hiện thu chờ hướng dẫn

*** Dự kiến CHI: (sau khi được cấp trên hướng dẫn mức thu)**

- 40% chi cải cách tiền lương, bổ sung nguồn thực hiện điều chỉnh lương mới, chi thu nhập tăng thêm theo NQ03 cho cán bộ, viên chức, người lao động theo quy định.

- 60% chi nghiệp vụ chuyên môn, tăng cường CSVC phục vụ giảng dạy và học tập, thuê lao động.

+ Mua sắm tài sản và trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy, mua vật dụng phục vụ công tác bán trú, công tác chuyên môn.

+ Mua cây xanh tạo bóng mát cho học sinh vui chơi, học tập.

+ Sửa chữa máy vi tính, máy in, máy photo, cài đặt chương trình, mực máy in, mực máy photo...

+ Biên lai học phí, biên lai thu tiền, mua văn phòng phẩm, bơm bình phòng cháy chữa cháy.

+ Những khoản chi khác phục vụ cho công tác giảng dạy, công tác bán trú.

+ Sách báo tham khảo, photo sổ sách, báo cáo ...

+ Mua đồ dùng sửa chữa nhỏ hệ thống điện, đường ống nước, sửa chữa máy bơm,...

+ Photo sổ, sách, báo cáo, tài liệu chuyên môn.

+ Chi trả lương cho nhân viên hợp đồng thuê khoán, trợ cấp thôi việc cho nhân viên hợp đồng theo quy định (nếu có), chi lương và các khoản phụ cấp theo lương, bảo hiểm, kinh phí công đoàn cho giáo viên hợp đồng, nhân viên HĐ 111.

+ Chi hoạt động sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

+ Chi diệt muỗi, côn trùng, thu gom rác; tiền điện, nước, điện thoại, cước phí internet ... và các khoản chi phát sinh khác.

-> Hàng năm sau khi hoàn thành các nhiệm vụ chi cơ bản, nếu còn chênh lệch thu lớn hơn chi nhà trường sẽ cân đối chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trích lập các quỹ theo quy định.

2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú:

2.1 Tiền tổ chức phục vụ bán trú: Dự kiến 1 tháng

Nhà trường đưa ra nhu cầu chi tiền tổ chức phục vụ bán trú năm học 2023 - 2024. Dự kiến chi như sau:

- Chi hoạt động quản lý, giảng dạy và phục vụ bán trú cho CBQL-GV-NV: 70%.

- Chi hoạt động, điện, nước, văn phòng phẩm, phí giao dịch ngân hàng, sửa chữa nhỏ và các khoản chi liên quan đến học sinh sửa thành công tác bán trú; chi đóng thuế theo quy định (nếu có)... : 5%.

- Chi trả lương, phụ cấp, các khoản bảo hiểm, kinh phí công đoàn theo quy định cho nhân viên hợp đồng, hợp đồng khoán việc, chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đã làm việc thường xuyên tại đơn vị (nếu có): 25%

* Nhà trường phân bổ hệ số chi cho CB.GV.CNV tham gia trực tiếp quản lý và phục vụ bán trú như sau:

+ Hiệu trưởng : 1,4

+ P.Hiệu trưởng: 1,3

+ Giáo viên : 1,0

+ Kế toán : 1,2

+ Y Tế : 1,0 (kiêm Thủ kho)

+ NV Văn thư : 1,0 (kiêm Thủ quỹ)

+ Nấu ăn : 1,0

+ Bảo vệ, NVPV: 0,8

* Dự kiến chi công phục vụ bán trú theo bảng tính sau:

Stt	Nội dung chi	Số người	Hệ số	Tổng hệ số	Số tiền / người	Thành tiền (đồng)
A	Chi cho giáo viên tham gia giảng dạy bán trú					
1	Giáo viên đứng lớp	23	1,0	23,0	1.605.600	36.929.000
B	Chi cho tổ chức quản lý và phục vụ bán trú					
1	Hiệu trưởng	1	1,4	1,4	1.605.600	2.248.000
2	Phó Hiệu trưởng	2	1,3	2,6	1.605.600	4.175.000
3	Kế toán	1	1,2	1,2	1.605.600	1.928.000
4	Nhân viên Văn thư kiêm Thủ quỹ	1	1,0	1,0	1.605.600	1.606.000
5	Nhân viên YT kiêm Thủ kho	1	1,0	1,0	1.605.600	1.606.000
6	Nhân viên nấu ăn	3	1,0	3,0	1.605.600	4.817.000
7	Nhân viên phục vụ	2	0,8	1,6	1.605.600	2.569.000
8	Nhân viên bảo vệ (phụ vận chuyển thức ăn)	3	0,8	2,4	1.605.600	3.853.000
	Tổng cộng	37		37,2		59.731.000

Tổng số trẻ bán trú: dự kiến 371 trẻ

* THU: Dự kiến tổng thu tiền tổ chức phục vụ bán trú 01 tháng: 371 trẻ x 230.000 đồng = 85.330.000 đồng/tháng

* CHI:

Dự kiến chi hoạt động quản lý, giảng dạy và phục vụ bán trú cho cán bộ, giáo viên, nhân viên: 70% x 85.330.000 đồng = 59.731.000 đồng

Dự kiến chi trả lương, phụ cấp, các khoản bảo hiểm, kinh phí công đoàn theo quy định cho nhân viên hợp đồng, hợp đồng khoán việc, chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đã làm việc thường xuyên tại đơn vị (nếu có): 25% x 85.330.000 đồng = 21.332.500 đồng

Dự kiến chi hoạt động, điện, nước, văn phòng phẩm, phí giao dịch ngân hàng, sửa chữa nhỏ và các khoản chi liên quan đến học sinh sửa thành công tác bán trú; chi đóng thuế theo quy định (nếu có)...: $5\% \times 85.330.000 \text{ đồng} = 4.266.500 \text{ đồng}$

* Định mức trên có thể thay đổi so với số dự kiến tùy theo số trẻ thực tế và nhu cầu sử dụng lao động trong tháng.

2.2 Vệ sinh phí: dự kiến 01 tháng

Căn cứ vào nhu cầu thực tế ước chi tiền vệ sinh phí như sau: dự kiến 1 tháng

STT	NỘI DUNG CHI	SỐ TIỀN (đồng)	GHI CHÚ
1	Bao rác, bao tay, giấy vệ sinh, khăn giấy, khăn ướt, kem đánh răng, nước rửa chén, nước lau sàn, nước rửa tay, tẩy Javel, xà bông, xít muỗi.....	7.238.000	
2	Nạo vét, thông cầu cống, phun thuốc diệt côn trùng, ...	1.500.000	
3	Chi trả tiền chuyên chở chất thải đi đổ.	950.000	
4	Gas hấp khăn	700.000	
	Cộng	10.388.000	

Tổng số học sinh bán trú: 371 trẻ

Dự kiến tổng chi tiền vệ sinh bán trú 01 tháng: 10.388.000 đồng

Dự kiến chi tiền vệ sinh bán trú 01 trẻ/ 01 tháng: $10.388.000 \text{ đồng} / 371 \text{ trẻ} = 28.000 \text{ đồng/ tháng}$

Dự kiến thu tiền vệ sinh bán trú 01 trẻ/ 01 tháng là: 28.000 đồng/ tháng

2.3 Tiền phục vụ ăn sáng của học sinh: dự kiến 01 tháng

* Dự kiến chi: Nhà trường đưa ra nhu cầu chi tiền tổ chức phục vụ ăn sáng năm học 2023 - 2024. Dự kiến chi như sau:

+ Chi cho công tác giảng dạy và phục vụ ăn sáng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên: 90%.

+ Chi hoạt động cho trẻ, điện, nước, điện thoại, truyền hình cáp phí giao dịch ngân hàng, mua sắm sửa chữa nhỏ, trợ cấp thôi việc cho nhân viên hợp đồng theo quy định (nếu có), đóng thuế theo quy định (nếu có)...: 10%

- Hệ số chi cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia trực tiếp quản lý và phục vụ ăn sáng:

- + Hiệu trưởng : 1,4
- + P.Hiệu trưởng : 1,3
- + Giáo viên : 1,0
- + Kế toán : 1,2
- + Y Tế : 0,9 (phụ cho trẻ ăn sáng kiêm Thủ kho)

+ NV Văn thư : 1,0 (kiêm Thủ quỹ)

+ Nấu ăn : 1,0

+ Bảo vệ, NVPV : 0,9

Số dự kiến chi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia trực tiếp quản lý và phục vụ ăn sáng được tính theo bảng sau:

Stt	Nội dung chi	Số người	Hệ số	Tổng hệ số	Số tiền / người	Thành tiền (đồng)
A	Chi cho giáo viên tham gia giảng dạy bán trú					
1	Giáo viên đứng lớp	23	1,0	23,0	908.400	20.893.000
B	Chi cho tổ chức quản lý và phục vụ bán trú					
1	Hiệu trưởng	1	1,4	1,4	908.400	1.272.000
2	Phó Hiệu trưởng	2	1,3	2,6	908.400	2.362.000
3	Kế toán	1	1,2	1,2	908.400	1.089.000
4	Nhân viên Văn thư kiêm Thủ quỹ	1	1,0	1,0	908.400	908.000
5	Nhân viên YT kiêm phụ lớp, Thủ kho	1	0,9	0,9	908.400	818.000
6	Nhân viên cấp dưỡng	3	1,0	3,0	908.400	2.725.000
7	Nhân viên phục vụ	2	0,9	1,8	908.400	1.635.000
8	Nhân viên bảo vệ (phụ vận chuyển thức ăn)	3	0,9	2,7	908.400	2.453.000
	Tổng cộng	37		37,6		34.155.000

Tổng số trẻ ăn sáng: dự kiến 330 trẻ

* Dự kiến tổng chi tiền tổ chức phục vụ ăn sáng 01 tháng: 37.950.000 đồng.

* THU:

Dự kiến thu tiền tổ chức phục vụ ăn sáng 01 trẻ/ 01 tháng: 37.950.000 đồng/
330 trẻ = 115.000 đồng / trẻ/ tháng

*** CHI:**

Dự kiến chi cho công tác giảng dạy và phục vụ ăn sáng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên: $90\% \times 37.950.000 \text{ đồng} = 34.155.000 \text{ đồng}$

+ Dự kiến chi hoạt động cho trẻ, điện, nước, điện thoại, truyền hình cáp phí giao dịch ngân hàng, mua sắm sửa chữa nhỏ, trợ cấp thôi việc cho nhân viên hợp đồng theo quy định (nếu có), đóng thuế theo quy định (nếu có)...: $10\% \times 37.950.000 \text{ đồng} = 3.795.000 \text{ đồng}$

* Định mức trên có thể thay đổi so với số dự kiến tùy theo số trẻ thực tế và nhu cầu sử dụng lao động trong tháng.

2.4 Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú: dự kiến 01 năm

Kế hoạch chi: Theo nhu cầu hàng năm, để phục vụ tốt việc chăm sóc ăn uống và sức khỏe cho học sinh nhà trường đã đề ra kế hoạch mua sắm mới một số đồ dùng, dụng cụ, tài sản, cơ sở vật chất phục vụ bán trú như sau:

- Chi mua đồ dùng nhà bếp, các thiết bị, vật dụng bán trú: **15.000.000 đồng**

- Chi mua đồ dùng phục vụ ăn uống, vật rẻ tiền mau hỏng: ly, chén, tô, muống, hộp nhựa, khăn trải bàn, yếm, khăn lau mặt, lau tay, kem đánh răng, bàn chải đánh răng, chổi, thùng rác, cây lau nhà... **25.000.000 đồng**

- Chi mua đồ dùng cho các phòng lớp: tủ kệ để chiếu, gối, kệ xe để bàn ăn bán trú, ký hiệu đồ dùng, trang trí phục vụ bán trú ... **10.000.000 đồng**

- Chi sửa chữa, bảo trì trang thiết bị bán trú: thang nâng hàng, máy xay thịt, tủ lạnh, xe chuyển thức ăn, tủ chén, tủ chiếu gối, tủ cặp dép, sửa máy bơm, sơn quét và các sửa chữa điện, nước, mẫu biểu trang trí, bảng tin thông báo, các thiết bị - đồ dùng phục vụ bán trú, sửa chữa nhỏ khác... **13.812.000 đồng**.

Tổng số trẻ bán trú: 371 trẻ

Dự kiến tổng chi tiền thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú 01 năm: 63.812.000 đồng

Dự kiến chi bình quân tiền thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú 01 trẻ/ 01 năm: $63.812.000 \text{ đồng} / 371 \text{ trẻ} = 172.000 \text{ đồng/năm}$.

Dự kiến thu tiền thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú 01 trẻ/ 01 năm: 172.000 đồng/năm.

2.5 Tiền chi trả lương cho nhân viên nuôi dưỡng theo NQ04/2017 NQ-HĐND và NQ04/2021/NQ-HĐND ngày 23/3/2021

Tổng số trẻ bán trú: dự kiến 371 trẻ

*** CHI:**

Dự kiến chi trả lương, bảo hiểm, KPCĐ cho nhân viên nuôi dưỡng theo NQ04 (04 người): 28.610.000 đồng

	Nội dung chi	Số người	Mức chi/ người	Thành tiền
1.1	- Chi lương cho nhân viên nuôi dưỡng	4	2.340.000	9.360.000
1.2	- Chi 23,5% các khoản đóng góp theo lương	4	1.099.800	4.399.200
1.3	- Chi các khoản hỗ trợ thêm lương	4	3.712.700	14.850.800
	TỔNG CHI			28.610.000

*** THU:**

Dự kiến tổng thu tiền chi trả hợp đồng nhân viên nuôi dưỡng theo NQ04 01 tháng: **28.610.000 đồng**, trong đó:

- Nhà trẻ 44 trẻ x 130.000 đồng = 5.720.000 đồng
- Mẫu giáo 327 trẻ x 70.000 đồng = 22.890.000 đồng

* Định mức trên có thể thay đổi so với số dự kiến tùy theo số trẻ đi học thực tế và nhu cầu sử dụng lao động trong tháng.

Đến cuối năm học, nếu sử dụng không hết sẽ hoàn trả tiền thừa cho cha mẹ trẻ.

3. Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh

3.1 Tiền học phẩm: Dự kiến 1 năm học

Căn cứ vào nhu cầu thực tế ước chi tiền học phẩm như sau: dự kiến 1 năm

Tổng số học sinh bán trú: 371 trẻ

Nội dung chi: tiền mua đồ dùng cần thiết cho việc học tập của trẻ như giấy, bút lông, bút màu, phấn... 01 năm: 18.550.000 đồng

Dự kiến chi tiền học phẩm 01 trẻ/ năm: 18.550.000 đồng/ 371 trẻ = 50.000 đồng/ năm

Dự kiến thu tiền học phẩm 01 trẻ/ năm là: 50.000 đồng/ tháng

3.2 Tiền học cụ - học liệu: Dự kiến 1 năm học

* Dự kiến chi:

- Nội dung chi: Mua đồ dùng đồ chơi, tủ, kệ sách, mua tập vở, sách, tranh, truyện, bút, giấy vẽ, văn phòng phẩm khác ... cho trẻ theo chi tiết sau:

- + Đồ dùng dạy học, tài liệu: 24.500.000 đồng
- + Học liệu: 28.500.000 đồng
- + Thiết bị dạy học, đồ chơi: 32.330.000 đồng

Tổng số thu: 371 trẻ

Dự kiến tổng chi tiền học cụ - học liệu 01 năm học: 85.330.000 đồng

Dự kiến chi bình quân tiền học cụ - học liệu 01 trẻ/ năm học: 85.330.000 đồng/ 371 trẻ = 230.000 đồng

Căn cứ trên mức dự kiến chi nhà trường dự kiến mức thu là 230.000 đồng/01 trẻ/ năm học.

3.3 Tiền ăn bán trú của trẻ: dự kiến 01 ngày

* Dự kiến chi:

Thực hiện chi hết định mức dựa trên tổng số trẻ đi học thực tế trong ngày, đảm bảo cân đối khẩu phần dinh dưỡng theo quy định giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất tâm sinh lý của trẻ.

Số tiền ăn do trẻ nghỉ ốm và có đơn xin phép hoặc nhà trường nghỉ theo lịch chung của ngành sẽ hoàn trả lại cho trẻ (trừ vào tháng sau).

Nội dung chi: Chi mua thực phẩm, tiền gas nấu ăn, sữa bột, sữa chua, bánh Flan, bánh các loại... cho trẻ ăn bán trú.

* Dự kiến thu: 371 trẻ x 35.000 đồng = 12.985.000 đồng/ngày

Khi có biến động về giá cả tăng, ảnh hưởng đến chất lượng bữa ăn của trẻ, nhà trường sẽ họp lấy ý kiến của cha mẹ trẻ trước khi điều chỉnh tăng mức thu.

Sau khi kết thúc tháng cuối của năm học nếu không chi hết phần thu (do trẻ nghỉ học) nhà trường sẽ hoàn trả lại số tiền ăn dư cho trẻ.

3.4 Tiền ăn sáng của trẻ: dự kiến 01 ngày

* Dự kiến chi:

Thực hiện chi hết suất cho số trẻ đi học thực tế, phòng kế toán sẽ trừ lại số tiền ăn sáng còn dư của những ngày nghỉ học vào tháng sau.

Sau khi kết thúc tháng cuối của năm học nếu không chi hết phần thu (do trẻ nghỉ học) nhà trường sẽ hoàn trả lại số tiền ăn dư cho trẻ.

* Dự kiến thu:

Tổng số trẻ ăn sáng: 330 trẻ x 17.000 đồng = 5.610.000 đồng/ngày

3.5 Tiền nước uống: Dự kiến 01 tháng

- Thu theo thỏa thuận của cha mẹ trẻ - Mức thu: 13.000 đồng

- Nội dung chi: Mua nước uống Ion Life hàng ngày cho trẻ.

Định mức 1 lớp/ ngày/ bình	Số lớp	Số ngày/ tháng	Đơn giá 1 bình nước	Thành tiền/ tháng	Ghi chú
0,61	3	22	39.600	1.584.000	
0,46	6	22	39.600	2.399.000	
0,32	3	22	39.600	840.000	
TỔNG	12			4.823.000	

Tổng số trẻ bán trú: 371 trẻ

Dự kiến tổng chi tiền nước uống bán trú 01 tháng: 4.823.000 đồng

Dự kiến chi tiền nước uống bán trú 01 trẻ/ tháng: 4.823.000 đồng/ 371 trẻ = 13.000 đồng/ tháng.

Căn cứ trên mức dự kiến chi nhà trường dự kiến mức thu là 13.000 đồng/ 01 trẻ/ tháng.

3.6 Tiền bảo hiểm tai nạn trẻ:

Để gánh vác và chia sẻ gánh nặng khi có sự cố tai nạn không may xảy ra đến với trẻ, nhà trường dự kiến thực hiện mức thu Bảo hiểm tai nạn trẻ:

- Mức thu: 30.000 đồng/ trẻ/năm
- Mức trách nhiệm bảo hiểm: 20.000.000 đồng/người/vụ
- Nội dung chi: Chi hết tiền bảo hiểm tai nạn cho trẻ tự nguyện đăng ký tham gia.

4. Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa

Tiền học ngoại khóa gồm các môn: Vẽ, Thể dục nhịp điệu, Anh văn

Mức thu thỏa thuận: 57.000 đồng/ môn/ tháng (Vẽ + Thể dục nhịp điệu)

Mức thu thỏa thuận: 120.000 đồng/ môn/ tháng (Anh văn). Tháng 8 tiết: 1 tiết GV người nước ngoài, 7 tiết GV người bản địa

Mức chi như sau:

85% (Vẽ + Thể dục nhịp điệu), 90% (Anh văn) chi trả cho Trung tâm giảng dạy căn cứ theo Hợp đồng ký kết (Thực hiện ký hợp đồng với Trung tâm, Công ty có đầy đủ tư cách pháp nhân và năng lực truyền đạt kỹ năng trong việc giảng dạy)

15% (Vẽ + Thể dục nhịp điệu), 10% (Anh văn) còn lại chi cho các hoạt động của nhà trường.

Trong đó phân trích lại được tính như sau:

Chi hoạt động điện, nước, văn phòng phẩm, truyền hình cáp, điện thoại, đóng thuế môn bài, thuế GTGT, thuế TNDN, mua sắm sửa chữa nhỏ và các phát sinh khác liên quan đến lớp học năng khiếu: 20%

Chi bồi dưỡng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trực tiếp tham gia năng khiếu: 80% theo mức chi như sau:

Chi cho giáo viên mẫu giáo (nhà trẻ không học) theo số lượng thực tế trẻ đăng ký học của mỗi lớp và ngày làm thực tế: từ 400.000 đồng/tháng đến 800.000 đồng/lớp/tháng.

+ BGH (3 người): 300.000 đồng đến 500.000 đồng/ người/ tháng.

+ KT, TQ-VT (2 người): 300.000 đồng đến 500.000 đồng/người/tháng

Dự kiến thu tiền học ngoại khóa Vẽ: 57.000 đồng/tháng x 310 trẻ = 17.670.000 đồng.

Dự kiến thu tiền học ngoại khóa Thể dục nhịp điệu: 57.000 đồng/tháng x 310 trẻ = 17.670.000 đồng.

Dự kiến thu tiền học ngoại khóa Anh văn: 120.000 đồng/tháng x 310 trẻ = 37.200.000 đồng.

IV. Kết luận:

Các khoản thu hộ - chi hộ, thu sự nghiệp (thu thỏa thuận) phải đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi, sử dụng đúng mục đích được nêu ra trong kế hoạch.

Thực hiện theo Công văn số 4827/UBND-TCKH-GDĐT ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc quận năm học 2023-2024 như sau:

Bảng tổng hợp các khoản thu sự nghiệp (thu thỏa thuận) và thu hộ - chi hộ năm học 2023 – 2024

Stt	Nội dung thu	Mức thu NH 2023-2024
I	Thu học phí	
1	Tiền Học phí	Học phí chưa tổ chức thực hiện thu chờ hướng dẫn
II	Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú	
1	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý bán trú	230.000đ/ tháng
2	Tiền vệ sinh bán trú	28.000đ/ tháng
3	Tiền phục vụ ăn sáng	115.000đ/ tháng
4	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng bán trú	172.000đ/ năm
5	Tiền công trả lương cho nhân viên nuôi dưỡng theo NQ04/2017 NQ-HĐND và NQ04/2021/NQ-HĐND ngày 23/3/2021	Nhà trẻ 130.000đ/ tháng Mẫu giáo 70.000đ/ tháng
III	Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh	
1	Tiền học phẩm	50.000đ/ năm
2	Tiền học cụ - học liệu	230.000đ/ năm
3	Tiền suất ăn trưa bán trú	35.000đ/ ngày
4	Tiền ăn sáng cho trẻ	17.000đ/ ngày
5	Tiền nước uống cho trẻ	13.000đ/ tháng
6	Tiền bảo hiểm tai nạn	30.000đ/ năm
IV	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa	
1	Tiền tổ chức dạy năng khiếu: Nhịp điệu	57.000đ/ tháng
2	Tiền tổ chức dạy năng khiếu: Vẽ	57.000đ/ tháng
3	Tiền tổ chức học tiếng Anh (1 tiết GV người nước ngoài, 7 tiết GV người bản địa)	120.000đ/ tháng

V. Về thanh toán không dùng tiền mặt:

Để đảm bảo tính minh bạch các hoạt động thanh toán trong đơn vị. Nhà trường khuyến khích cha mẹ trẻ thực hiện việc đóng học phí và các khoản thu khác bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022.

Nhà trường thực hiện thu các khoản qua thẻ

Tên tài khoản: TRƯỜNG MẦM NON HOÀ MI

Số tài khoản: 002155690004

Tên NH: Ngân hàng Đông Á - chi nhánh Gò Vấp

Nội dung: Tên trẻ, lớp, tiền học tháng.../2022

Ví dụ: Nguyễn Văn A, lớp M1, tiền học tháng 9/2023

(lưu ý: Cha mẹ trẻ vui lòng đóng đúng số tiền, không đóng thừa hoặc thiếu)

VI. Các biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch:

Kế hoạch thu, chi các khoản thu hộ - chi hộ, thu sự nghiệp (thu thỏa thuận) năm học 2023 - 2024 sẽ được thực hiện sau khi thông qua hội đồng sư phạm, cha mẹ trẻ biểu quyết nhất trí.

Chế độ miễn, giảm phải thực hiện đúng theo quy định của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, và các văn bản hướng dẫn hiện hành; Nghị quyết số 23/2023/NQ-HDND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ mầm non, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh kể từ năm học 2022 - 2023

Về thu chi: Đảm bảo chứng từ đầy đủ, hợp lệ, hợp pháp theo quy định quản lý tài chính của nhà nước.

Kế hoạch được thực hiện công khai, dân chủ trong nội bộ đơn vị, trong cha mẹ trẻ, thể hiện sự thống nhất và khách quan. Đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi.

Việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch phải được thông qua Ban đại diện cha mẹ trẻ và Hội đồng sư phạm.

Căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị, các định mức, chế độ hiện hành, xây dựng mức chi phù hợp cho từng đối tượng tham trực tiếp, gián tiếp, các công việc có liên quan./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH;
- Phòng GD&ĐT;
- CBQL-GV-NV và CM trẻ;
- Trang web trường;

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG MÀM NON HOÀ MI

(DỰ THẢO)

Các khoản thu sự nghiệp (thu thỏa thuận) và thu hộ, chi hộ - THÁNG 9/2023

(Theo Công văn số 4827/UBND-TCXH-GDDT ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

Đơn vị: đồng

Stt	Nội dung thu	Mức thu NH 2023-2024	NHÀ TRẺ Thu T9/2023 (19 ngày)	MẪU GIÁO Thu T9/2023 (19 ngày)	Mức thu NH 2022-2023	Tỉ lệ tăng (%)
I Thu học phí						
1	Tiền Học phí	Học phí chưa tổ chức thực hiện thu chờ hướng dẫn	-	-		
II Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú						
1	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý bán trú	230.000đ/ tháng	230.000	230.000	200.000	15%
2	Tiền vệ sinh bán trú	28.000đ/ tháng	28.000	28.000	25.000	12%
3	Tiền phục vụ ăn sáng	115.000đ/ tháng	115.000	115.000	100.000	15%
4	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng bán trú	172.000đ/ năm	172.000	172.000	150.000	14,7%
5	Tiền công trả lương cho nhân viên nuôi dưỡng theo NQ04/2017 NQ-HĐND và NQ04/2021/NQ-HĐND ngày 23/3/2021	Nhà trẻ 130.000đ/ tháng Mẫu giáo 70.000đ/ tháng	130.000	70.000	40.000	đặc thù theo NQ04/2021
III Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh						
1	Tiền học phẩm	50.000đ/ năm	50.000	50.000	-	
2	Tiền học cụ - học liệu	230.000đ/ năm	230.000	230.000	200.000	15%
3	Tiền suất ăn trưa bán trú	35.000đ/ ngày	665.000	665.000	35.000	không tăng
4	Tiền ăn sáng cho trẻ	17.000đ/ ngày	323.000	323.000	15.000	13,3%
5	Tiền nước uống cho trẻ	13.000đ/ tháng	13.000	13.000	12.000	8,3%
6	Tiền bảo hiểm tai nạn	30.000đ/ năm	30.000	30.000	30.000	không tăng
IV Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa						
1	Tiền tổ chức dạy năng khiếu: Nhịp điệu	57.000đ/ tháng	-	57.000	50.000	14%
2	Tiền tổ chức dạy năng khiếu: Vẽ	57.000đ/ tháng	-	57.000	50.000	14%
3	Tiền tổ chức học tiếng Anh (1 tiết GV người nước ngoài, 7 tiết GV người bản địa)	120.000đ/ tháng	-	120.000	80.000	
TỔNG CỘNG			1.986.000	2.160.000		

THÔNG TIN CHUYỂN KHOẢN (Nếu cha mẹ trẻ có nhu cầu)

Tên tài khoản: **TRƯỜNG MẦM NON HOÀ MI**

Số tài khoản: **002155690004**

Tên NH: **Ngân hàng Đông Á – CN Gò Vấp** (Cha mẹ trẻ vui lòng chuyển trong giờ hành chính từ 8h đến 15h, và chuyển thường, không chuyển 24/7, không chuyển thứ bảy, chủ nhật)

Nội dung chuyển khoản: **Tên trẻ, lớp, tiền học tháng.../20..**

Ví dụ: **Nguyễn Văn A, lớp M1, tiền học tháng 9/2023**

(lưu ý: Cha mẹ trẻ vui lòng đóng đúng số tiền, không đóng dư hoặc thiếu)